

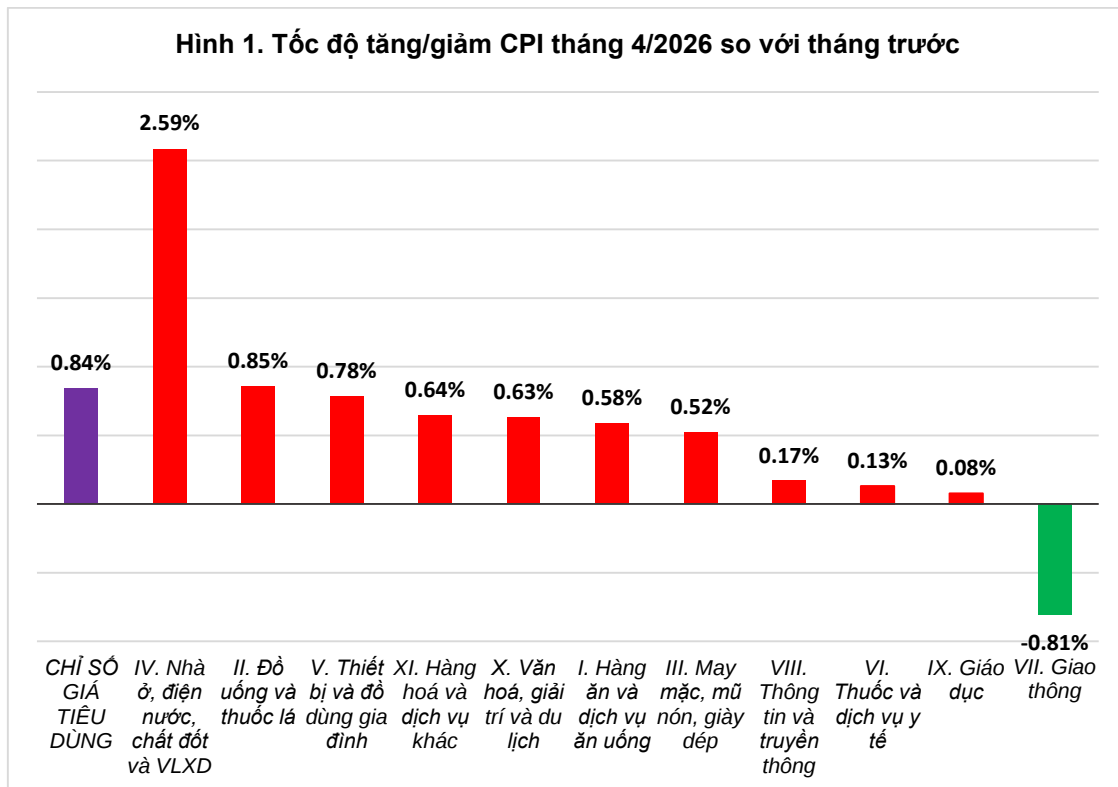
Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG TƯ VÀ 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Giá gas trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới, giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình và vật liệu xây dựng tăng do chi phí nguyên liệu đầu vào, vận chuyển gia tăng là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2026 tăng 0,84% so với tháng trước. So với tháng 12/2025, CPI tháng Tư tăng 3,31% và tăng 5,46% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2026, CPI tăng 3,99% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,89%.

I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 4/2026

So với tháng trước, CPI tháng 4/2026 tăng 0,84% (khu vực thành thị tăng 0,83%; khu vực nông thôn tăng 0,86%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 10 nhóm hàng tăng giá, riêng chỉ số giá nhóm giao thông giảm.



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 4/2026 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,58%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 4/2026 tăng 0,58% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,21 điểm phần trăm, trong đó nhóm lương thực tăng 0,67%, tác động tăng 0,03 điểm phần trăm; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 1,94%, tác động tăng 0,18 điểm phần trăm; riêng nhóm thực phẩm có chỉ số giá không đổi so với tháng trước.

1.1. Lương thực (+0,67%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 4/2026 tăng 0,67% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo tăng 0,64% (Gạo tẻ thường tăng 0,59%; gạo tẻ ngon tăng 0,78%; gạo nếp tăng 0,81%; gạo lứt tẻ tăng 0,79%). Giá gạo trong nước tăng chủ yếu do thị trường đang ở giai đoạn cuối vụ đông xuân, lượng lúa tích trữ giảm dần nên nguồn cung thu hẹp và chi phí vận chuyển, lưu thông tăng. Bên cạnh đó, trên thị trường xuất khẩu, giá gạo Việt Nam tiếp tục xu hướng tăng, trong đó giá gạo thơm 5% tấm đang được chào bán tăng 15 USD/tấn (khoảng 490-500 USD/tấn), góp phần đẩy giá gạo trong nước tăng.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 15.000-17.900 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 21.000-22.600 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 23.000-24.100 đồng/kg; giá gạo nếp từ 27.700-36.700 đồng/kg.

Theo đó, giá các mặt hàng lương thực khác tăng so với tháng trước như: Giá bột mì tăng 1,42%; bánh mì tăng 1,39%; mì sợi, mì, phở/cháo ăn liền tăng 1,29%; ngũ cốc ăn liền tăng 1,08%; sắn tăng 1,07%; bún, bánh phở, bánh đa tăng 0,75%; ngũ cốc khác tăng 0,68%.

1.2. Thực phẩm (0%)

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 4/2026 không đổi so với tháng trước do tác động tăng, giảm đan xen giữa các nhóm thực phẩm, cụ thể như sau:

Các nhóm giảm giá so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở một số mặt hàng sau:

- Chỉ số giá thịt lợn giảm 0,73% so với tháng trước tác động làm CPI giảm 0,03 điểm phần trăm. Nguyên nhân chủ yếu do nguồn cung trong nước được bảo đảm khi hoạt động tái đàn được duy trì ổn định, trong khi nhu cầu tiêu dùng sau cao điểm lễ, Tết và mùa cưới giảm. Tính đến ngày 25/4/2026, giá thịt lợn hơi cả nước dao động trong khoảng 60.000-73.000 đồng/kg. Theo đó, mỡ động vật giảm 0,06% so với tháng trước; nội tạng động vật giảm 0,54%. Chỉ số giá thịt bò giảm 0,07% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng giảm.

- Chỉ số giá rau tươi, khô và chế biến giảm 0,38% so với tháng trước do nguồn cung dồi dào khi thời tiết thuận lợi, nhiều loại rau vào vụ thu hoạch, sản lượng tăng. Cụ thể, giá cà chua giảm 3,68%; bắp cải giảm 1,15%; rau muống giảm 1,84%; khoai tây giảm 1,83%; rau dền củ, quả khác giảm 1,24%. Ở chiều ngược lại, giá su hào tăng 3,53% so với tháng trước, rau tươi khác tăng 1,32%, măng tươi tăng 0,44%, rau khô các loại tăng 0,28%, rau gia vị tươi khô các loại tăng 0,15%.

- Chỉ số giá trứng các loại giảm 0,96% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng giảm, trong khi nguồn cung duy trì ổn định.

- Chỉ số giá quả tươi, chế biến giảm 1,13% do nhu cầu tiêu dùng giảm, nguồn cung dồi dào khi nhiều loại trái cây vào vụ thu hoạch. Trong đó, giá chuối giảm 2,31%; xoài giảm 4,45%; quả tươi khác giảm 1,54%.

Ở chiều ngược lại, một số nhóm hàng tăng giá như: Chỉ số giá sữa, bơ, phô mai tăng 1,03% so với tháng trước; nước mắm, nước chấm tăng 1,02%; đồ gia vị tăng 0,86%; bánh, mứt, kẹo tăng 0,79%; đường mật tăng 0,78%; chè, cà phê, ca cao tăng 0,73%. Nguyên nhân chủ yếu do giá nguyên liệu, vận chuyển và bảo quản tăng, một số doanh nghiệp điều chỉnh giá bán nhằm bù đắp chi phí.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+1,94%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 4/2026 tăng 1,94% so với tháng trước, chủ yếu do chi phí nguyên liệu đầu vào tăng, trong đó giá gas tăng mạnh. Bên cạnh đó, chi phí nhân công, thuê mặt bằng và vận hành tăng, cùng với việc một số địa phương tăng cường sắp xếp, quản lý hoạt động kinh doanh vỉa hè, lòng đường khiến các cơ sở kinh doanh điều chỉnh giá bán để bù đắp chi phí. Trong đó, chỉ số giá ăn ngoài gia đình tăng 2,08% so với tháng trước; uống ngoài gia đình tăng 0,94%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 1,97%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,85%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 4/2026 tăng 0,85% so với tháng trước do chi phí nhập khẩu, sản xuất và phân phối tăng. Trong đó, giá nước tăng lực đóng chai, lon, hộp tăng 1,5% so với tháng trước; nước giải khát có ga tăng 1,29%; thuốc lá tăng 1,25%; rượu bia các loại tăng 0,64%; nước quả ép tăng 0,45%.

3. May mặc, mũ nón, giày dép (+0,52%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng 4/2026 tăng 0,52% so với tháng trước do chi phí nguyên vật liệu, vận chuyển và nhân công tăng. Trong đó, chỉ số giá nhóm dịch vụ giày dép tăng 1,2%; dịch vụ may mặc tăng 1,19%; mũ

nón tăng 0,74%; vải các loại tăng 0,62%; may mặc khác tăng 0,61%; quần áo may sẵn tăng 0,45% do chi phí đầu vào tăng.

4. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+2,59%)¹

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tháng 4/2026 tăng 2,59% so với tháng trước, tác động làm tăng CPI chung 0,59 điểm phần trăm, chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng sau:

- Giá gas tăng 35,3%, tác động làm tăng CPI chung 0,46 điểm phần trăm.
- Giá dầu hỏa tăng 26,95% theo xu hướng tăng giá năng lượng thế giới.
- Giá thuê nhà tăng 0,79% do một số chủ nhà trọ điều chỉnh giá thuê nhằm bù đắp chi phí nâng cấp và cải tạo nhà ở. Theo đó, giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 1,93% do chi phí nhân công tăng.
- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 4,11% do chi phí đầu vào tăng, đặc biệt là giá nguyên, nhiên liệu sản xuất và chi phí vận chuyển. Bên cạnh đó, nhu cầu xây dựng tăng đã góp phần đẩy giá các loại vật liệu như cát, đá, xi măng, thép, gạch tăng.
- Giá dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 4,28%; điện sinh hoạt tăng 1,06%; dịch vụ về điện sinh hoạt tăng 0,84%; dịch vụ về nước sinh hoạt tăng 1,24% do điều chỉnh mức thu phí dịch vụ và chi phí cung ứng dịch vụ tăng.

Ở chiều ngược lại, giá nước sinh hoạt giảm 1,11% do sản lượng tiêu thụ giảm.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,78%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 4/2026 tăng 0,78% so với tháng trước do chi phí nguyên vật liệu, nhân công và vận chuyển tăng. Trong đó, một số mặt hàng có mức giá tăng: Giá sửa chữa thiết bị gia đình tăng 1,4%; đèn điện thấp sáng và giường, tủ, bàn ghế cùng tăng 0,99%; hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 0,97%; quạt điện tăng 0,79%; nồi điện tăng 0,75%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,72%; tủ lạnh tăng 0,62%; lò vi sóng, lò nướng, bếp từ tăng 0,47%; máy điều hòa nhiệt độ tăng 0,33%.

Ở chiều ngược lại, giá thuê người phục vụ giảm 0,11% do nhu cầu thuê người dọn dẹp, giúp việc giảm sau thời gian cao điểm Tết Nguyên đán.

6. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,13%)

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng 4/2026 tăng 0,13% so với tháng trước làm CPI chung tăng 0,02 điểm phần trăm do chỉ số giá nhóm thuốc các loại

¹ Trong đó, chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tháng 4/2026 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 3/2026.

tăng 0,38% so với tháng trước, chủ yếu do chi phí nhập khẩu nguyên liệu dược và chi phí sản xuất, phân phối tăng. Cụ thể, giá nhóm thuốc chống dị ứng và nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt cùng tăng 0,57%; thuốc tác dụng trên đường hô hấp tăng 0,46%; hoóc môn và thuốc tác động vào hệ nội tiết tăng 0,43%; thuốc tim mạch tăng 0,42%; thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng tăng 0,33%.

7. Giao thông (-0,81%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 4/2026 giảm 0,81% so với tháng trước, tác động làm CPI chung giảm 0,08 điểm phần trăm, chủ yếu do giá xăng giảm 3,19%.

Ở chiều ngược lại, một số nhóm hàng và dịch vụ giao thông tăng giá như sau:

- Chỉ số giá dầu diezen tăng 18,55% so với tháng trước theo giá thế giới.

- Chỉ số giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 12,43% do chi phí nhiên liệu tăng cục bộ, đặc biệt là giá dầu diezen. Trong đó, giá vận tải hành khách bằng hàng không tăng 47,47%; đường sắt tăng 15,41%; đường bộ tăng 5,57%; dịch vụ giao nhận hành lý và hành lý ký gửi tăng 4,25%; tắc xi tăng 3,28%; xe buýt tăng 2,88%; đường thủy tăng 0,99%.

- Chỉ số giá nhóm bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 1,35%, trong đó giá dịch vụ sửa chữa xe máy tăng 1,36%; dịch vụ sửa chữa xe đạp tăng 1,26%.

- Chỉ số giá nhóm phụ tùng tăng 1,17% do chịu tác động từ giá nguyên liệu sản xuất và chi phí nhập khẩu tăng. Trong đó, phụ tùng khác của xe máy tăng 1,37%; lốp, săm xe máy tăng 1,18%; phụ tùng ô tô tăng 0,74%.

- Giá dịch vụ trông giữ xe tăng 1,22%; dịch vụ rửa xe, bơm xe tăng 0,93%; giá xe ô tô mới tăng 0,42%; xe đạp tăng 0,82%; xe máy tăng 0,23%.

8. Thông tin và truyền thông (+0,17%)

Nhóm thông tin và truyền thông tháng 4/2026 tăng 0,17% so với tháng trước. Trong đó, giá máy điện thoại di động thông thường tăng 1,19%; máy vi tính và phụ kiện tăng 1,14%; dịch vụ sửa chữa điện thoại tăng 0,87%; máy in, máy chiếu, máy quét tăng 0,36%; dịch vụ truyền hình và internet tăng 0,11%. Ở chiều ngược lại, giá thiết bị âm thanh màu giảm 0,4%; máy điện thoại cố định giảm 0,04%.

9. Giáo dục (+0,08%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng Tư tăng 0,08% so với tháng Ba, trong đó dịch vụ giáo dục tăng 0,04% chủ yếu do một số trung tâm gia sư, dạy thêm điều chỉnh học phí. Bên cạnh đó, sản phẩm từ giấy tăng 0,82%; bút viết các loại tăng 0,71%; văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác tăng 0,66%.

10. Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,63%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 4/2026 tăng 0,63% so với tháng trước, chủ yếu tăng ở những mặt hàng sau: Giá nhóm du lịch trọn gói tăng 1,71% (du lịch trong nước tăng 1,78%; du lịch ngoài nước tăng 1,25%) do chi phí tổ chức tour tăng, đặc biệt là chi phí di chuyển, lưu trú và dịch vụ du lịch; chụp, in tráng ảnh tăng 1,41%; dịch vụ liên quan đến vật nuôi tăng 1,02%; dịch vụ thể thao tăng 0,89%; khách sạn, nhà khách và đồ chơi trẻ em cùng tăng 0,69%; thiết bị thể dục thể thao tăng 0,61%.

11. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,64%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 4/2026 tăng 0,64%, chủ yếu do chỉ số giá dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 0,77%; đồ dùng cá nhân tăng 0,72%; dịch vụ hiếu hỉ tăng 1,04%. Ở chiều ngược lại, nhóm đồ trang sức giảm 4,11% theo giá vàng trong nước.

12. Chỉ số giá vàng (-6,71%)

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 28/4/2026, bình quân giá vàng thế giới ở mức 4.761,71 USD/ounce, giảm 2,4% so với tháng 3/2026. Trong tháng 4/2026, giá vàng thế giới giảm do hoạt động chốt lời của các nhà đầu tư sau giai đoạn tăng mạnh trước đó.

Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 4/2026 giảm 6,71% so với tháng trước, chủ yếu do giá vàng được các doanh nghiệp kinh doanh điều chỉnh giảm theo giá vàng thế giới. So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá vàng tăng 54,24%; so với tháng 12/2025 tăng 10,83%; bình quân 4 tháng đầu năm 2026, chỉ số giá vàng tăng 75,13%.

13. Chỉ số giá đô la Mỹ (+0,17%)

Giá đô la Mỹ trong nước biến động ngược chiều với giá thế giới. Tính đến ngày 27/4/2026, chỉ số USD trên thị trường quốc tế bình quân tháng 4/2026 đạt mức 98,63 điểm, giảm 0,73% so với tháng trước do chiến tranh thương mại leo thang, thị trường đang kỳ vọng Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) giảm lãi suất trong nửa cuối năm 2026.

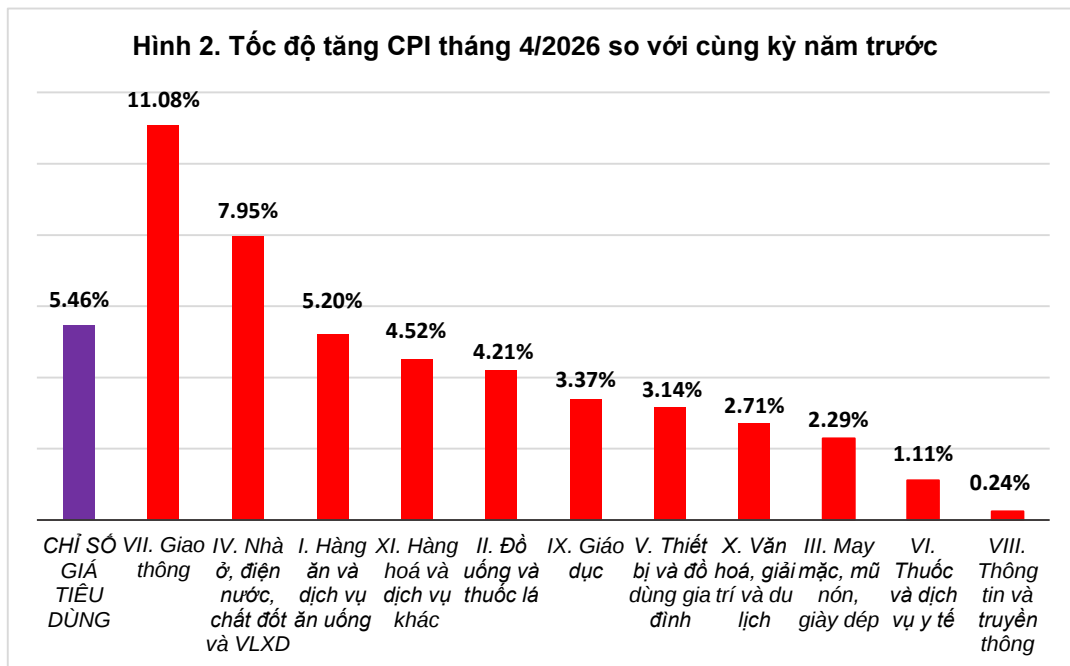
Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 26.360 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 4/2026 tăng 0,17% so với tháng trước do nhu cầu ngoại tệ trong nước tăng; tăng 1,44% so với cùng kỳ năm trước; giảm 0,31% so với tháng 12/2025; bình quân 4 tháng đầu năm 2026, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 2,29%.

Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng Tư từ năm 2022 đến năm 2026

Đơn vị tính: %

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
CPI tháng 4 so với tháng trước	0,18	-0,34	0,07	0,07	0,84
CPI tháng 4 so với cùng kỳ năm trước	2,64	2,81	4,40	3,12	5,46
CPI tháng 4 so với tháng 12 năm trước	2,09	0,39	1,19	1,37	3,31
CPI bình quân 4 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước	2,10	3,84	3,93	3,20	3,99

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 4/2026 tăng 5,46%. Tất cả 11 nhóm hàng tiêu dùng chính đều tăng giá.



- Nhóm giao thông tăng mạnh nhất với 11,08%, tác động làm CPI chung tăng 1,11 điểm phần trăm. Trong đó, giá nhiên liệu tăng 21,47%, do xăng A95 tăng 3.630 đồng/lít; xăng E5 tăng 2.600 đồng/lít và dầu diezen tăng 9.170 đồng/lít.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 7,95%, tác động làm CPI chung tăng 1,8 điểm phần trăm. Trong đó, giá nhà ở thuê tăng 6,2% do chi phí quản lý, vận hành tăng; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 17,39%; giá gas và các loại chất đốt khác tăng 39,35%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 9,17%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,2% tác động làm CPI chung tăng 1,86 điểm phần trăm, trong đó giá nhóm lương thực tăng 2,06%; thực phẩm tăng 4,51%; ăn uống ngoài gia đình tăng 8,3% do chi phí nguyên nhiên vật liệu đầu vào và quản lý tăng.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 4,21%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm.

- Nhóm giáo dục tăng 3,37%, tác động làm CPI chung tăng 0,2 điểm phần trăm do một số trường dân lập, tư thục, nghề điều chỉnh giá học phí năm học 2025-2026 mặc dù các trường công lập đã được miễn, giảm và hỗ trợ học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,14%, tác động làm CPI chung tăng 0,16 điểm phần trăm. Trong đó, giá sửa chữa thiết bị trong gia đình tăng 4,81%; hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 3,97%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 3,95%.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,71%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,29%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,11%, làm CPI chung tăng 0,05 điểm phần trăm, chủ yếu do chi phí nhập khẩu nguyên liệu đầu vào, chi phí sản xuất và phân phối tăng làm tăng giá thuốc và thiết bị y tế.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,52% tác động làm CPI chung tăng 0,16 điểm phần trăm, chủ yếu do nhóm hàng hóa và dịch vụ cho cá nhân tăng 7,36%; vật dụng, dịch vụ về hiếu hỉ tăng 4,56%.

So với tháng 12/2025, CPI tháng Tư tăng 3,31%, trong đó 11 nhóm hàng đều tăng giá, cụ thể:

- Nhóm giao thông tăng cao nhất với 10,69% chủ yếu do giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh tăng trong tháng 3/2026.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,01% do nhu cầu tiêu dùng tăng cao vào dịp Tết Nguyên đán.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 4,68%, chủ yếu do giá nhà ở thuê tăng 2,28%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 7,1%; gas và các loại chất đốt khác tăng 51,26%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,22% do giá lương thực tăng 1,85%; thực phẩm tăng 1% và ăn uống ngoài gia đình tăng 5,36%.

- Nhóm văn hoá, giải trí và du lịch tăng 2,03% do nhu cầu mua sắm, tiêu dùng dịp Tết và du xuân tăng.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,95%, trong đó dịch vụ trong gia đình tăng 4,47%; đồ dùng trong nhà tăng 2,09% do nhu cầu sử dụng tăng cao.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,33%, trong đó dịch vụ may mặc tăng 3,81%; dịch vụ giày dép tăng 3,46%; vải các loại tăng 2,17%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,83%, trong đó dịch vụ y tế tăng 0,7%; thuốc các loại tăng 1,13%; dụng cụ y tế tăng 1,01%.

- Nhóm giáo dục tăng 0,32% do trong năm học 2025-2026 một số trường dân lập, tư thục, học nghề, dạy thêm đã điều chỉnh học phí.

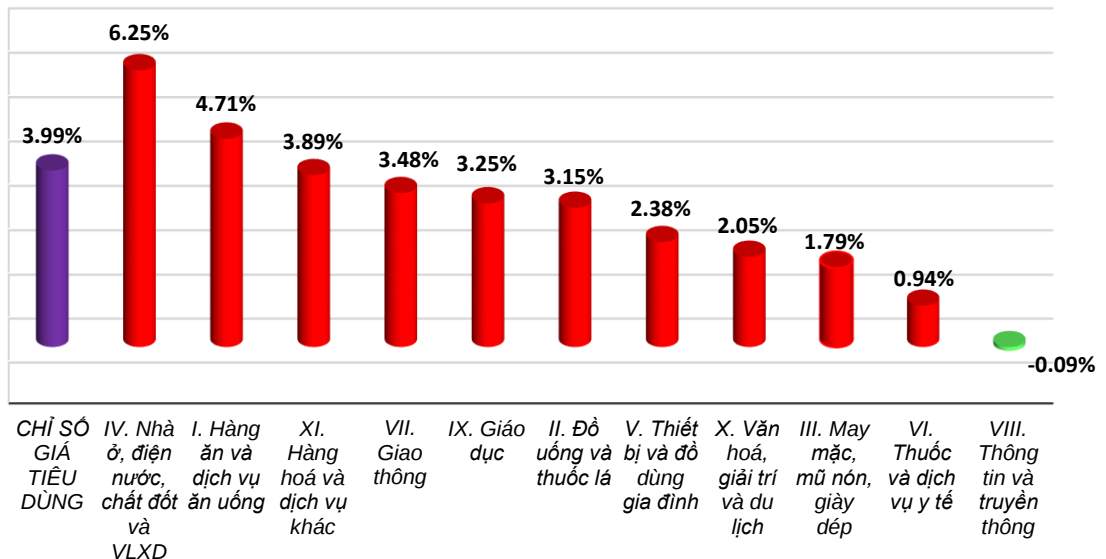
- Nhóm thông tin và truyền thông tăng nhẹ 0,21%, chủ yếu do chi phí một số dịch vụ viễn thông điều chỉnh tăng.

- Nhóm hàng hoá và dịch vụ khác tăng 2,51% do giá nhóm đồ trang sức tăng theo giá vàng; các dịch vụ cưới hỏi; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng vào dịp Tết.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 4 tháng đầu năm 2026 tăng 3,99% so với cùng kỳ năm 2025.

Hình 3. Tốc độ tăng/giảm CPI 4 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước



1. Yếu tố làm tăng CPI 4 tháng đầu năm 2026

- Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 6,25% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,42 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhà ở thuê tăng 6,47% do chi phí duy trì và vận hành tăng; vật liệu bảo dưỡng nhà

ở tăng 13,52% do giá vật liệu xây dựng và nhu cầu xây dựng, sửa chữa nhà ở tăng; giá điện sinh hoạt tăng 5,53% do nhu cầu sử dụng điện tăng và EVN điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân từ ngày 10/5/2025.

- Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,71%, tác động làm CPI chung tăng 1,69 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm thịt lợn tăng 6,07% tác động làm CPI chung tăng 0,26 điểm phần trăm, chủ yếu do nguồn cung hạn chế trong dịp Lễ, Tết và chi phí chăn nuôi ở mức cao; chỉ số giá thịt gia cầm tăng 4,6%; chỉ số giá ăn uống ngoài gia đình tăng 6,12% do chi phí nguyên liệu và dịch vụ tăng.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 3,25%, làm CPI chung tăng 0,19 điểm phần trăm do một số trường dân lập, tư thục, dạy nghề đã điều chỉnh học phí trong năm học 2025-2026.

- Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,15%, làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,38%, làm CPI chung tăng 0,12 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm văn hoá, giải trí và du lịch tăng 2,05%, nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,79%, cùng tác động làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm giao thông tăng 3,48%, làm CPI chung tăng 0,35 điểm phần trăm, trong đó giá nhiên liệu tăng 5,16% chủ yếu do giá xăng dầu tăng².

2. Yếu tố làm giảm CPI trong 4 tháng đầu năm 2026

Chỉ số giá nhóm thông tin và truyền thông 4 tháng đầu năm 2026 giảm 0,09% so với cùng kỳ năm trước do giá một số thiết bị công nghệ giảm nhờ nguồn cung dồi dào và cạnh tranh giữa các nhà phân phối gia tăng.

III. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản³ tháng 4/2026 tăng 0,88% so với tháng trước và tăng 4,66% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 4 tháng đầu năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 3,89% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 3,99% của CPI bình quân chung do giá xăng dầu, gas và thực phẩm biến động mạnh làm CPI chung tăng, trong khi các yếu tố này được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

² So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá nhóm nhiên liệu tháng 01/2026, 02/2026 lần lượt giảm 9,62% và 8,38%, trong khi tháng 3/2026, 4/2026 lần lượt tăng 21,6% và 21,47%.

³ CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.

**Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Tư và 4 tháng đầu năm
từ năm 2022 đến năm 2026**

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Lạm phát cơ bản tháng 4 so với tháng trước	0,44	0,13	0,17	0,21	0,88
Lạm phát cơ bản tháng 4 so với cùng kỳ năm trước	1,47	4,56	2,79	3,14	4,66
Lạm phát cơ bản 4 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước	0,97	4,90	2,81	3,05	3,89

CỤC THỐNG KÊ